TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HSST.
Ngày: 08/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Vân - Phó Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2/ Ông Nguyễn Trúc Việt - Bí thư Đoàn TNCSHCM huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Chí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 đối với:

* *Bị cáo:* Phạm Ngọc C - Sinh năm: 1979.

+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

+ Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Trình độ học vấn: 01/12.

+ Nghề nghiệp: Làm thuê.

+ Con ông Phạm Ngọc C1, con bà Trần Thị M.

+ Tiền án, tiền sự: Không.

+ Bị bắt tạm giữ ngày 21/6/2017, đến ngày 24/6/2017 chuyển sang biện pháp tạm giam cho đến nay.

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Anh Nguyễn Thành L - Sinh năm: 1986; trú tại: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Phạm Ngọc H - Sinh năm: 1966; trú tại: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Kim L - Sinh năm: 1968; trú tại: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Long An (có mặt).

3/ Ông Phạm Ngọc C1 - Sinh năm: 1958; trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

4/ Bà Trần Thị M - Sinh năm: 1958; trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

** Người làm chứng:*

1/ Chị Trương Thị Hồng H - Sinh năm: 1992; trú tại: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ Anh Võ Văn L - Sinh năm: 1982; trú tại: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3/ Ông Trương Văn P - Sinh năm: 1962; trú tại: Ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng tháng 12 năm 2016, ông Trương Văn P có cho S (không rõ họ, địa chỉ) là người đi bơm cát chung với ông P mượn một cái điện thoại di động; sau đó, S đi bơm cát ở xa nên giao điện thoại cho Phạm Ngọc C giữ. C chưa kịp giao điện thoại di động lại cho ông P nên làm phát sinh mâu thuẫn với con gái của ông P là Trương Thị Hồng H.

Ngày 02/01/2017, C gọi điện thoại cho chị Trương Thị Hồng H đến nhà để nhận lại điện thoại di động của ông P. Khoảng 18 giờ cùng ngày 02/01/2017, chị Trương Thị Hồng H cùng Võ Văn L (chồng của chị H) và Nguyễn Thành L đến nhà của C nhưng không có C ở nhà nên ra về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, cả ba người lại đến nhà của C thì phát sinh tranh cãi và xảy ra đánh nhau với ông Phạm Ngọc C1, bà Trần Thị M (là cha mẹ ruột của C). Khi C về đến nhà thấy đang đánh nhau nên vào can ngăn thì bị đánh trúng té ngã xuống đất, C liền cầm lấy cây kéo (kéo để làm cá) để ở gần gốc cây bên hông nhà, đâm nhiều nhát vào người của Nguyễn Thành L gây thương tích. Nguyễn Thành L và sau đó là Trương Thị Hồng H, Võ Văn L bỏ chạy. Nguyễn Thành L được đưa đi bệnh viện R sau đó chuyển đến bệnh viện X, tỉnh Bến Tre cấp cứu. C ném cây kéo vào phòng khách, bà M thấy nên nhặt lấy, rửa sạch vết máu rồi để vào ngăn tủ trong phòng khách.

Tại giấy chứng nhận thương tích số: 19/CN ngày 23/01/2017 của bệnh viện X, tỉnh Bến Tre và tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 39-0217/TgT ngày 17 tháng 02 năm 2017, Trung tâm Y tỉnh Bến Tre xác định thương tích của anh Nguyễn Thành L như sau:

+ Vết thương ngực trái vùng dưới nách, kích thước 03cm x 01cm, thấu vào lồng ngực gây tràn máu, tràn khí màn phổi trái.

- Phẫu thuật: Dẫn lưu kín màng phổi trái.
- Hiện: Vết thương lành, không khó thở, chỗ dẫn lưu màng phổi trái đã lành.

+ Vết thương bụng vùng hạ sườn trái dài 02cm, thấu vào ổ bụng.

• Phẫu thuật: Mở bụng thám sát thấy vết thương thấu vào ổ bụng không tổn thương nội tạng, khâu lại vết thương.

• Hiện: Vết mổ đường giữa trên rốn dài 11cm đã lành, sẹo lồi kích thước 11cm x 0,4cm.

+ Vết thương trán dài 02cm đã lành, sẹo kích thước 02cm x 0,1cm.

+ Vết thương thái dương trái dài 02cm đã lành, sẹo kích thước 02cm x 0,1cm.

+ Vết thương cạnh đuôi mài trái dài 02cm đã lành, sẹo kích thước 02cm x 0,1cm.

Với thương tích nêu trên, trung tâm Y, tỉnh Bến Tre đã kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của anh Nguyễn Thành L là 31% (ba mươi mốt phần trăm).

Tại bản cáo trạng số: 55/KSĐT-TA ngày 10 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc C về tội: *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng.

- Người bị hại là anh Nguyễn Thành L yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí cho việc điều trị thương tích là 7.174.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 10.000.000đồng, không yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập do không lao động được, và xác định là có nhận 10.000.000đồng tiền bồi thường từ cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc C phạm tội: *"Cố ý gây thương tích",* áp dụng khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 104, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự:

• Ghi nhận việc bà Phạm Ngọc H đã nhận số tiền bồi thường là 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

• Ghi nhận việc bị cáo và người bị hại là anh Nguyễn Thành L đã thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 17.174.000đ (mười bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền anh Nguyễn Thành L đã nhận là 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Thành L số tiền là 7.174.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy một cây kéo bằng kim loại dài 23cm, cán kéo dài 09cm bọc nhựa màu đen có chữ *"Nhật Thủy - Kéo 100% thép đặc biệt"*.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Vào khoảng 19 giờ ngày 02/01/2017, tại nhà của ông Phạm Ngọc C1, bà Trần Thị M (cha mẹ ruột của bị cáo C) có xảy ra tranh cãi và đánh nhau giữa ông C1, bà M với anh Nguyễn Thành L, anh Võ Văn L và chị Trương Thị Hồng H về việc C có giữ một cái điện thoại di động của ông Trương Văn P do S để lại nhưng chưa kịp giao trả cho ông P. Khi C về đến nhà thấy ông C1, anh Nguyễn Thành L, anh Võ Văn L đang đánh nhau nên vào can ngăn thì bị đánh trúng té ngã xuống đất, C liền cầm lấy cây kéo (kéo để làm cá) để ở gần gốc cây bên hông nhà, đâm nhiều nhát vào người của Nguyễn Thành L gây thương tích với tỷ lệ là 31% (ba mươi mốt phần trăm).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền được tôn trọng, bảo vệ về sức khỏe của người khác và đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được quy định trong Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, công cụ mà bị cáo dùng để gây thương tích cho anh Nguyễn Thành L là một cây kéo bằng kim loại dài 23cm, cán kéo dài 09cm bọc nhựa màu đen có chữ *"Nhật Thủy - Kéo 100% thép đặc biệt"*, thân kéo nơi rộng nhất là 03cm, mũi nhọn. Theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 mục 3 của Nghị quyết số: 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây là *"hung khí nguy hiểm"*.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở xác định bị cáo Phạm Ngọc C đã phạm tội: *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm

1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) với khung hình phạt từ năm năm đến mười lăm năm tù.

Trong lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy rằng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã có sự tác động để người thân của bị cáo bồi thường số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho anh Nguyễn Thành L và 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Phạm Ngọc H để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả mà bị cáo đã gây ra nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p, b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo. Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu, nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Một cây kéo bằng kim loại dài 23cm, cán kéo dài 09cm bọc nhựa màu đen có chữ *"Nhật Thủy - Kéo 100% thép đặc biệt"* là của ông Phạm Ngọc C1, bà Trần Thị M. Ông C1, bà M không yêu cầu nhận lại, và vật chứng này không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành L yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí cho việc điều trị thương tích là 7.174.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 10.000.000đ (mười triệu đồng), không yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập do không lao động được. Bị cáo đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại mà anh Nguyễn Thành L yêu cầu. Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên giữa bị cáo và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận và buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Thành L 7.174.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) tiền chi phí cho việc điều trị thương tích, 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tổng cộng là 17.174.000đ (mười bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền mà anh Nguyễn Thành L đã nhận là 10.000.000đ (mười triệu đồng); bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Thành L số tiền là 7.174.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

+ Bà Phạm Ngọc H đã nhận số tiền mất thu nhập do không lao động được trong khoảng thời gian chăm sóc cho anh Nguyễn Thành L là 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) và không có yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

+ Bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000đồng đã giao nộp để bồi thường cho anh Nguyễn Thành L, ông Phạm Ngọc C1, bà Trần Thị M không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.350.000đồng đã giao nộp để bồi thường cho bà Phạm Ngọc H nên ghi nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Phạm Ngọc C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc C phạm *"Tội cố ý gây thương tích"*.

Áp dụng khoản 3 *(thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1)* Điều 104; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2017 (ngày bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển sang tạm giam).

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy một cây kéo bằng kim loại dài 23cm, cán kéo dài 09cm bọc nhựa màu đen có chữ *"Nhật Thủy - Kéo 100% thép đặc biệt"*, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 15/8/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 2 Điều 357, các điều 585, 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

3.1) Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Thành L các khoản tiền như sau: 7.174.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) tiền chi phí cho việc điều trị thương tích; 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tổng cộng là 17.174.000đ (mười bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền mà anh Nguyễn Thành L đã nhận là 10.000.000đ (mười triệu đồng); bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Thành L số tiền là 7.174.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng). Ghi nhận việc anh Nguyễn Thành L không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập do không lao động được.

Kể từ ngày anh Nguyễn Thành L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phạm Ngọc C chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Quyết định về việc bồi thường thiệt hại nêu trên được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

3.2) Ghi nhận việc bà Phạm Ngọc H đã nhận số tiền mất thu nhập do không lao động được trong khoảng thời gian chăm sóc cho anh Nguyễn Thành L là 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

3.3) Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000đồng đã giao nộp để bồi thường cho anh Nguyễn Thành L, ông Phạm

Ngọc C1, bà Trần Thị M không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.350.000đồng đã giao nộp để bồi thường cho bà Phạm Ngọc H.

4/ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Ngọc C phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 359.000đ (ba trăm năm mươi chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Áp dụng các điều 231, 232, 234 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phạm Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành (P.HSNV);
- Nhà tạm giữ-Công an huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên